

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 12 năm 2025

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 3 (B1 THEO CEFR)
ĐỢT THỨ 09 NĂM 2025
(Địa chỉ: cơ sở 624 Âu Cơ, Phường Bảy Hiền, Thành phố Hồ Chí Minh)

Môn kiểm tra: Tiếng Anh bậc 3 (Tương đương B1 theo CEFR)

Phòng kiểm tra: B1.PT01

Giờ kiểm tra: Sáng 08:00 - 10:00 (Nghe - Đọc - Viết)

Chiều 13:30 - 15:30 (Nói)

Ngày kiểm tra: 27/12/2025

Ký tên:.....

Ký tên:.....

CBCKTr1:

CBCKTr2:

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
1	VHU.TAB1.09.001	211A030104	Trần Ngọc Thuý	An	10/02/2003	Tây Ninh		
2	VHU.TAB1.09.002	231A010230	Nguyễn Khắc	Anh	27/03/2005	Vĩnh Long		
3	VHU.TAB1.09.003	221A010239	Nguyễn Bùi Trâm	Anh	06/12/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
4	VHU.TAB1.09.004	211A031050	Nguyễn Phạm Minh	Anh	12/12/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
5	VHU.TAB1.09.005	221A040191	Phùng Thị Trúc	Anh	24/09/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
6	VHU.TAB1.09.006	221A030332	Đỗ Văn	Anh	17/07/2004	Tây Ninh		
7	VHU.TAB1.09.007	211A040183	Nguyễn Quỳnh	Anh	10/08/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
8	VHU.TAB1.09.008	221A370217	Huỳnh Thị Quế	Anh	17/02/2004	Vĩnh Long		
9	VHU.TAB1.09.009	201A150039	Nguyễn Văn	Anh	08/10/2002	Cần Thơ		
10	VHU.TAB1.09.010	221A031002	Nguyễn Tuấn	Anh	20/05/2004	Thanh Hóa		
11	VHU.TAB1.09.011	211A050326	Lý Hoàng Thảo	Anh	04/11/2003	Tây Ninh		
12	VHU.TAB1.09.012	211A210314	Nguyễn Huỳnh Trâm	Anh	28/11/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
13	VHU.TAB1.09.013	211A210027	Trương Thị Mỹ	Ánh	16/10/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
14	VHU.TAB1.09.014	221A010238	Trần Văn Thanh	Bản	05/08/2004	An Giang		
15	VHU.TAB1.09.015	231A010226	Huỳnh Gia	Bảo	21/10/2005	Thành phố Hồ Chí Minh		
16	VHU.TAB1.09.016	231A040230	Đào Ngọc	Bích	05/10/2005	Thành phố Hồ Chí Minh		
17	VHU.TAB1.09.017	221A040026	Lê Thị Thanh	Bình	28/08/2004	Quảng Ngãi		
18	VHU.TAB1.09.018	201A010231	Nguyễn Y	Bình	01/11/2025	Thành phố Huế		
19	VHU.TAB1.09.019	221A370573	Phùng Thị Linh	Chi	26/06/2004	Đồng Tháp		
20	VHU.TAB1.09.020		Bùi Thị Kim	Chi	04/08/1997	Gia Lai		
21	VHU.TAB1.09.021	221A030509	Trần Nguyễn Trúc	Chi	12/04/2004	Lâm Đồng		
22	VHU.TAB1.09.022	211A031437	Ngô Hoàng	Chiêu	03/08/2003	Tây Ninh		
23	VHU.TAB1.09.023	221A030949	Nguyễn Duy	Cường	05/09/2004	Đồng Tháp		

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
24	VHU.TAB1.09.024	211A370954	Trần Thị Linh	Đa	01/01/2004	Vĩnh Long		
25	VHU.TAB1.09.025		Nguyễn Thị Xuân	Đào	15/05/1991	Đồng Tháp		
26	VHU.TAB1.09.026	201A080148	Phan Thành	Đạt	02/10/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
27	VHU.TAB1.09.027	191A030168	Trần Văn	Đạt	05/05/2001	Khánh Hòa		
28	VHU.TAB1.09.028	221A030390	Phạm Nhữ Khả	Di	03/05/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
29	VHU.TAB1.09.029	221A050444	Cao Nguyễn Kiều	Diễm	29/01/2004	An Giang		
30	VHU.TAB1.09.030	221A031094	Đinh Lương Bích	Diệp	01/08/2004	Gia Lai		
31	VHU.TAB1.09.031	201A310020	Điều	Đơ	08/04/2002	Đồng Nai		
32	VHU.TAB1.09.032	201A020011	Đỗ hoài	Đủ	07/04/2001	Tây Ninh		
33	VHU.TAB1.09.033	181A010135	Đào Minh	Đức	05/09/2000	Thành phố Hồ Chí Minh		
34	VHU.TAB1.09.034	221A031034	Nguyễn Việt	Đức	25/04/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
35	VHU.TAB1.09.035	191A050034	Phạm Ngọc Ánh	Dương	29/03/2001	Đắk Lắk		
36	VHU.TAB1.09.036	211A030541	Mai Thị Thuỳ	Dương	03/01/2003	Vĩnh Long		
37	VHU.TAB1.09.037	221A031399	Nguyễn Thị Thu	Duy	08/04/2004	Tây Ninh		
38	VHU.TAB1.09.038	211A031531	Lê Nguyễn Anh	Duy	14/03/2001	Lâm Đồng		
39	VHU.TAB1.09.039	221A360059	Đỗ Phương	Duy	18/02/2004	An Giang		
40	VHU.TAB1.09.040	221A010233	Võ Thị Mỹ	Duyên	25/09/2004	Vĩnh Long		
41	VHU.TAB1.09.041	191A050024	Nguyễn Thị Thuỳ	Duyên	14/08/2001	Đắk Lắk		

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KIỂM TRA
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ**

Tổng số thí sinh theo danh sách:.....

Số thí sinh dự kiểm tra:.....

Số thí sinh vắng kiểm tra:.....

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thanh Hà

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 12 năm 2025

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 3 (B1 THEO CEFR)
ĐỢT THỨ 09 NĂM 2025
(Địa chỉ: cơ sở 624 Âu Cơ, Phường Bảy Hiền, Thành phố Hồ Chí Minh)

Môn kiểm tra: Tiếng Anh bậc 3 (Tương đương B1 theo CEFR)

Ngày kiểm tra: 27/12/2025

Phòng kiểm tra: B1.PT02

CBCKTr1:

Ký tên:

Giờ kiểm tra: Sáng 08:00 - 10:00 (Nghe - Đọc - Viết)

CBCKTr2:

Ký tên:

Chiều 13:30 - 15:30 (Nói)

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
1	VHU.TAB1.09.042	221A080018	Nguyễn Kim	Duyên	31/01/2004	Đồng Tháp		
2	VHU.TAB1.09.043	221A230076	Nguyễn Hoàng Kiều	Duyên	28/01/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
3	VHU.TAB1.09.044	221A010328	Trần Huỳnh	Giang	13/04/2004	An Giang		
4	VHU.TAB1.09.045	211A300014	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Giao	05/04/2003	Khánh Hoà		
5	VHU.TAB1.09.046	221A310006	Lê Thị	Hà	24/07/2004	Đắk Lắk		
6	VHU.TAB1.09.047	221A030150	Nguyễn Huỳnh Ngọc	Hà	27/04/2004	Đồng Nai		
7	VHU.TAB1.09.048	221A310102	Vũ Quốc	Hải	26/08/2004	Ninh Bình		
8	VHU.TAB1.09.049	221A320247	Nguyễn Bảo	Hân	09/11/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
9	VHU.TAB1.09.050	231A300506	Ngưong La Gia Hân	Hân	23/04/2005	An Giang		
10	VHU.TAB1.09.051	211A030033	Dương Gia	Hân	23/12/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
11	VHU.TAB1.09.052	221A370161	Phạm Thái Thanh	Hằng	24/04/2004	Đà Nẵng		
12	VHU.TAB1.09.053	221A370672	Nguyễn Thị Thanh	Hằng	29/05/2004	Vĩnh Long		
13	VHU.TAB1.09.054	221A050191	Phan Thị Hồng	Hạnh	26/11/2003	Tây Ninh		
14	VHU.TAB1.09.055	171A030593	Trần Hào	Hoa	21/07/1998	Đồng Nai		
15	VHU.TAB1.09.056	221A030524	Nguyễn Vũ	Hào	05/09/2004	Tây Ninh		
16	VHU.TAB1.09.057	221A210044	Nguyễn Ngọc	Hiền	14/10/2004	Khánh Hoà		
17	VHU.TAB1.09.058	211A100088	Quảng Thúy	Hiền	02/11/2003	Quảng Ngãi		
18	VHU.TAB1.09.059	221A270019	Phạm Trung	Hiếu	22/02/2004	Cà Mau		
19	VHU.TAB1.09.060	221A240018	Võ Trung	Hiếu	11/12/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
20	VHU.TAB1.09.061	211A030749	Hoàng Trung	Hiếu	01/05/2003	Thanh Hóa		
21	VHU.TAB1.09.062	221A300115	Nguyễn Thị Như	Hiếu	22/03/2004	Đồng Tháp		
22	VHU.TAB1.09.063	221A040430	Huỳnh Thị Quỳnh	Hoa	16/09/2004	Tây Ninh		
23	VHU.TAB1.09.064	211A050359	Nguyễn Đoàn Khánh	Hoài	10/10/2003	Khánh Hoà		

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
24	VHU.TAB1.09.065	201A070020	Lê Viết Vũ	Hoàng	12/11/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
25	VHU.TAB1.09.066	221A040093	Nguyễn Thị Diệu	Hồng	24/07/2004	Tây Ninh		
26	VHU.TAB1.09.067	221A030225	Nguyễn Hồng	Oanh	15/12/2004	An Giang		
27	VHU.TAB1.09.068	221A040570	Trần Thị Kim	Hồng	07/04/2004	Khánh Hoà		
28	VHU.TAB1.09.069	221A010277	Nguyễn Phi	Hùng	22/05/2004	Quảng Ngãi		
29	VHU.TAB1.09.070	221A210494	Đỗ Tiến	Hùng	04/11/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
30	VHU.TAB1.09.071	225A010004	Diệp Vỹ	Hùng	27/05/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
31	VHU.TAB1.09.072	221A370488	Trần Nhật	Hưng	04/11/2004	Thành phố Cần Thơ		
32	VHU.TAB1.09.073	221A050633	Nguyễn Thị Mai	Hương	29/03/2004	Đồng Tháp		
33	VHU.TAB1.09.074	211A050302	Nguyễn Thị Huệ	Hương	14/10/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
34	VHU.TAB1.09.075	211A150134	Nguyễn Hoàng Quỳnh	Hương	26/01/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
35	VHU.TAB1.09.076	221A370798	Nguyễn Khánh	Huy	07/11/2004	Đồng Tháp		
36	VHU.TAB1.09.077	221A310111	Bùi Quang	Huy	15/11/2004	Thanh Hoá		
37	VHU.TAB1.09.078	201A100083	Đoàn Gia	Huy	23/09/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
38	VHU.TAB1.09.079	221A010199	Trương Nguyễn Quang	Huy	19/05/2004	Đồng Tháp		
39	VHU.TAB1.09.080	221A310020	Lê Thị Thuý	Huyền	20/10/2004	Vĩnh Long		
40	VHU.TAB1.09.081	221A210565	Trần Bội	Khải	05/06/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KIỂM TRA
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ**

Tổng số thí sinh theo danh sách:.....

Số thí sinh dự kiểm tra:.....

Số thí sinh vắng kiểm tra:.....

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thanh Hà

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 12 năm 2025

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 3 (B1 THEO CEFR)
ĐỢT THỨ 09 NĂM 2025
(Địa chỉ: cơ sở 624 Âu Cơ, Phường Bảy Hiền, Thành phố Hồ Chí Minh)

Môn kiểm tra: Tiếng Anh bậc 3 (Tương đương B1 theo CEFR) Ngày kiểm tra: 27/12/2025
Phòng kiểm tra: B1.PT03 CBCKTr1: Ký tên:.....
Giờ kiểm tra: Sáng 08:00 - 10:00 (Nghe - Đọc - Viết) CBCKTr2: Ký tên:.....
Chiều 13:30 - 15:30 (Nói)

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
1	VHU.TAB1.09.082	211A080129	Nguyễn Ngọc	Khang	10/07/2003	Đồng Tháp		
2	VHU.TAB1.09.083	211A030159	Võ Hoàng	Khang	17/11/2003	Đồng Tháp		
3	VHU.TAB1.09.084	201A030653	Kiều Chí	Khanh	24/11/2002	Cà Mau		
4	VHU.TAB1.09.085	211A050110	Lương Thị Mỹ	Khánh	17/06/2003	Vĩnh Long		
5	VHU.TAB1.09.086	221A050075	Huỳnh Thị Vân	Khánh	08/08/2004	Tây Ninh		
6	VHU.TAB1.09.087	241A300321	Nguyễn Đỗ Duy	Khánh	24/11/2006	Vĩnh Long		
7	VHU.TAB1.09.088	231A300465	Mai Văn Hữu	Khánh	04/08/2005	An Giang		
8	VHU.TAB1.09.089	201A030470	Nông Anh	Khoa	10/01/2002	Cà Mau		
9	VHU.TAB1.09.090	221A190001	Đàm Minh	Khoa	25/04/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
10	VHU.TAB1.09.091	211A010144	Phan Mạnh	Khoẻ	25/04/2003	Tây Ninh		
11	VHU.TAB1.09.092	211A010032	Nguyễn Phong	Kiệt	02/03/2003	Lâm Đồng		
12	VHU.TAB1.09.093	221A030940	Nguyễn Hoàng Tuấn	Kiệt	10/05/2004	Đồng Tháp		
13	VHU.TAB1.09.094	221A030782	Nguyễn Tuấn	Kiệt	22/02/2004	An Giang		
14	VHU.TAB1.09.095	211A030684	Đinh Tùng	Lâm	08/08/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
15	VHU.TAB1.09.096	221A040072	Huỳnh Thị Phương	Lan	22/05/2004	Vĩnh Long		
16	VHU.TAB1.09.097	211A031101	Lê Thị	Lãnh	07/10/2003	Đắk Lắk		
17	VHU.TAB1.09.098	221A230092	Phạm Thị Kim	Liều	04/11/2004	Quảng Ngãi		
18	VHU.TAB1.09.099	201A220002	Nguyễn Ngọc Yến	Linh	22/10/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
19	VHU.TAB1.09.100	221A080376	Lê Thị Diệu	Linh	23/06/2003	Thanh Hoá		
20	VHU.TAB1.09.101	211A030853	Đỗ Thị Ngọc	Linh	20/02/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
21	VHU.TAB1.09.102	211A180004	Ngô Mỹ	Linh	29/05/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
22	VHU.TAB1.09.103	221A040090	Nguyễn Hoàng Huyền	Linh	28/03/2004	Đồng Nai		
23	VHU.TAB1.09.104	221A310196	Mai Thị Phương	Loan	10/08/2003	Gia Lai		

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
24	VHU.TAB1.09.105	221A010178	Đoàn Ngọc Kiều	Loan	23/06/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
25	VHU.TAB1.09.106	221A031095	Nguyễn Thị Diệu	Loan	30/09/2004	Gia Lai		
26	VHU.TAB1.09.107	231A230167	Lê Vũ Minh	Lộc	19/11/2005	Thành phố Hồ Chí Minh		
27	VHU.TAB1.09.108	211A230113	Nguyễn Thị	Lộc	06/11/2003	Quảng Ngãi		
28	VHU.TAB1.09.109	221A210311	Nguyễn Thị Mỹ	Lợi	15/06/2004	Gia Lai		
29	VHU.TAB1.09.110	201A030356	Ngô Gia	Long	28/9/2002	TP Hồ Chí Minh		
30	VHU.TAB1.09.111	221A270088	Nguyễn Thị Mỹ	Ly	01/07/2003	Đắk Lắk		
31	VHU.TAB1.09.112	211A210064	Nguyễn Thị Kim	Ly	04/06/2003	Khánh Hoà		
32	VHU.TAB1.09.113	221A320341	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	15/04/2004	Đồng Nai		
33	VHU.TAB1.09.114	221A030061	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	28/12/2004	Tây Ninh		
34	VHU.TAB1.09.115	211A300031	Nguyễn Gia	Mẫn	20/08/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
35	VHU.TAB1.09.116	211A100125	Phạm Thị Bé	Mol	23/06/2002	Vĩnh Long		
36	VHU.TAB1.09.117	201A110002	Phạm Võ Hoàng	My	23/04/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
37	VHU.TAB1.09.118	221A370370	Trần Thị Diễm	My	20/09/2004	Đồng Nai		
38	VHU.TAB1.09.119	221A210544	Trương Hoàng My	My	18/06/2004	An Giang		
39	VHU.TAB1.09.120	211A100030	Nguyễn Hoàn	Mỹ	15/06/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
40	VHU.TAB1.09.121	221A031117	Nguyễn Thị Thanh	Nga	25/09/2004	Gia Lai		

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KIỂM TRA
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ**

Tổng số thí sinh theo danh sách:.....
Số thí sinh dự kiểm tra:.....
Số thí sinh vắng kiểm tra:.....

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thanh Hà

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 12 năm 2025

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 3 (B1 THEO CEFR)
ĐỢT THỨ 09 NĂM 2025
(Địa chỉ: cơ sở 624 Âu Cơ, Phường Bảy Hiền, Thành phố Hồ Chí Minh)

Môn kiểm tra: Tiếng Anh bậc 3 (Tương đương B1 theo CEFR) Ngày kiểm tra: 27/12/2025
Phòng kiểm tra: B1.PT04 CBCKTr1: Ký tên:.....
Giờ kiểm tra: Sáng 08:00 - 10:00 (Nói) CBCKTr2: Ký tên:.....
Chiều 13:30 - 15:30 (Nghe - Đọc - Viết)

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
1	VHU.TAB1.09.122	201A030568	Đoàn Thị Diễm	Nga	06/01/2002	Lâm Đồng		
2	VHU.TAB1.09.123	231A210386	Lê Thị Hồng	Nga	30/05/2005	Khánh Hoà		
3	VHU.TAB1.09.124	221A370237	Lê Thị Thanh	Ngân	11/01/2004	Lâm Đồng		
4	VHU.TAB1.09.125	221A030605	Lăng Thị Kim	Ngân	07/04/2004	Đắk Lắk		
5	VHU.TAB1.09.126	231A210299	Tạ Thị Bích	Ngân	30/01/2005	Gia Lai		
6	VHU.TAB1.09.127	221A080007	Nguyễn Hồ Kim	Ngân	23/04/2004	An Giang		
7	VHU.TAB1.09.128	201A100014	Nguyễn Phạm Kim	Ngân	27/12/2002	Vĩnh Long		
8	VHU.TAB1.09.129	221A050754	Phan Thị Phương	Ngân	13/07/2004	Đồng Nai		
9	VHU.TAB1.09.130	221A370731	Nguyễn Thị Kim	Ngân	23/09/2004	Vĩnh Long		
10	VHU.TAB1.09.131	221A050585	Trương Thị Mỹ	Ngân	14/11/2004	Quảng Ngãi		
11	VHU.TAB1.09.132	221A050737	Trương Huỳnh Kim	Ngân	31/07/2004	Tây Ninh		
12	VHU.TAB1.09.133	221A020023	Trịnh Hoàng	Nghĩa	19/07/2004	Vĩnh Long		
13	VHU.TAB1.09.134	221A050043	Nguyễn Thị Bé	Ngoan	15/05/2004	Vĩnh Long		
14	VHU.TAB1.09.135	221A050048	Nguyễn Lê Hoài	Ngọc	06/12/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
15	VHU.TAB1.09.136	221A310089	Nguyễn Trung	Nguyên	02/11/2004	Vĩnh Long		
16	VHU.TAB1.09.137	221A050709	Phan Thị Bảo	Nguyên	18/09/2004	Tây Ninh		
17	VHU.TAB1.09.138	221A371111	Đặng Ánh	Nguyệt	04/08/2004	Quảng Ngãi		
18	VHU.TAB1.09.139	221A030750	Nguyễn Thị Ánh	Nguyệt	19/01/2004	Gia Lai		
19	VHU.TAB1.09.140	221A050201	Phạm Thanh	Nhã	05/02/2004	Cà Mau		
20	VHU.TAB1.09.141	231A270133	Châu Ngọc Thanh	Nhân	29/11/2005	Thành phố Hồ Chí Minh		
21	VHU.TAB1.09.142	191A180016	Đỗ Minh	Nhật	04/09/2000	Đồng Nai		
22	VHU.TAB1.09.143	201A050089	Huỳnh Minh	Nhật	13/06/2002	Tây Ninh		
23	VHU.TAB1.09.144	221A040108	Trần Thị Thuý	Nhi	05/01/2004	An Giang		
24	VHU.TAB1.09.145	211A030788	Nguyễn Thị Huỳnh	Nhi	17/02/2003	Tây Ninh		

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
25	VHU.TAB1.09.146	221A320201	Nguyễn Lê Quỳnh	Nhi	26/01/2004	Gia Lai		
26	VHU.TAB1.09.147	221A031037	Nguyễn Thị Yến	Nhi	05/03/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
27	VHU.TAB1.09.148	221A011178	Nguyễn Thị Yến	Nhi	18/06/2004	Quảng Trị		
28	VHU.TAB1.09.149	221A040592	Phạm Thị Yến	Nhi	10/04/2004	Vĩnh Long		
29	VHU.TAB1.09.150		Nguyễn Thị	Như	08/09/1991	Ninh Bình		
30	VHU.TAB1.09.151	221A320190	Phan Tuệ	Như	28/01/2004	Đồng Tháp		
31	VHU.TAB1.09.152	221A040557	Đỗ Huỳnh	Như	23/01/2004	Vĩnh Long		
32	VHU.TAB1.09.153	201A110032	Phù Thị Yến	Như	22/12/2002	Cà Mau		
33	VHU.TAB1.09.154	221A050466	Nguyễn Huỳnh	Như	28/05/2004	Quảng Nam		
34	VHU.TAB1.09.155	221A040531	Dương Vũ Quỳnh	Như	12/08/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
35	VHU.TAB1.09.156	221A210262	Trần Khánh	Như	02/09/2004	Khánh Hoà		
36	VHU.TAB1.09.157	201A080159	Nguyễn Lê Quỳnh	Như	22/12/2002	Khánh Hòa		
37	VHU.TAB1.09.158	221A230436	Phan Thị Huỳnh	Như	06/09/2004	Vĩnh Long		
38	VHU.TAB1.09.159	231A040242	Châu Thị Kiều	Ny	15/04/2005	Tây Ninh		
39	VHU.TAB1.09.160	211A040216	Nguyễn Thị Lâm	Oanh	18/02/2003	Hung Yên		
40	VHU.TAB1.09.161	221A030589	Nguyễn Trần Quỳnh	Oanh	02/08/2004	Đồng Nai		

Tổng số thí sinh theo danh sách:.....
Số thí sinh dự kiểm tra:.....
Số thí sinh vắng kiểm tra:.....

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KIỂM TRA
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thanh Hà

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 12 năm 2025

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 3 (B1 THEO CEFR)
ĐỢT THỨ 09 NĂM 2025
(Địa chỉ: cơ sở 624 Âu Cơ, Phường Bảy Hiền, Thành phố Hồ Chí Minh)

Môn kiểm tra: Tiếng Anh bậc 3 (Tương đương B1 theo CEFR) Ngày kiểm tra: 27/12/2025
Phòng kiểm tra: B1.PT05 CBCKTr1: Ký tên:.....
Giờ kiểm tra: Sáng 08:00 - 10:00 (Nói) CBCKTr2: Ký tên:.....
Chiều 13:30 - 15:30 (Nghe - Đọc - Viết)

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
1	VHU.TAB1.09.162	211A330031	Nguyễn Dương Thùy	Oanh	22/07/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
2	VHU.TAB1.09.163	221A010666	Trương Tiến	Phát	14/10/200	Thành Phố Hồ Chí Minh		
3	VHU.TAB1.09.164	211A010177	Phạm Thành	Phát	10/12/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
4	VHU.TAB1.09.165	211A310014	Trần Văn	Phát	27/06/2003	Khánh Hòa		
5	VHU.TAB1.09.166	211A030389	Nguyễn Hoàng	Phúc	22/09/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
6	VHU.TAB1.09.167	211A100069	Lâm Trịnh Hồng	Phúc	19/01/2002	Gia Lai		
7	VHU.TAB1.09.168	211A030171	Nguyễn Hoàng Kim	Phụng	23/11/2003	Vĩnh Long		
8	VHU.TAB1.09.169	221A010175	Đoàn Văn	Phước	24/09/2004	Đắk Lắk		
9	VHU.TAB1.09.170	201A110001	Trịnh Lê Thục	Phương	03/03/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
10	VHU.TAB1.09.171	221A210377	Trần Thị Mỹ	Phượng	21/04/2004	Đồng Nai		
11	VHU.TAB1.09.172	221A310007	Nguyễn Thị Kim	Quy	22/12/2004	Đắk Lắk		
12	VHU.TAB1.09.173	211A320012	Nguyễn Thị Cẩm	Quý	22/09/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
13	VHU.TAB1.09.174	221A370321	Lương Thị Thanh	Quyên	06/08/2004	Gia Lai		
14	VHU.TAB1.09.175	221A360145	Ngô Võ	Quyên	22/07/2004	An Giang		
15	VHU.TAB1.09.176	211A040105	Nguyễn Đặng Mỹ	Quyên	07/02/2003	Đồng Tháp		
16	VHU.TAB1.09.177	221A320002	Hàng Lê Lâm	Quyên	07/05/2003	Lâm Đồng		
17	VHU.TAB1.09.178	221A040047	Nguyễn Thị Lệ	Quyên	05/12/2003	Đắk Lắk		
18	VHU.TAB1.09.179	201A210078	Nguyễn Lê Như	Quỳnh	13/06/2002	Thành Phố Hồ Chí Minh		
19	VHU.TAB1.09.180	221A030690	Phạm Lê Phương	Quỳnh	27/02/2004	Thành phố Đà Nẵng		
20	VHU.TAB1.09.181	221A080256	Trần Trúc	Quỳnh	02/05/2004	Đồng Tháp		
21	VHU.TAB1.09.182	211A310033	Phan Đặng Diễm	Quỳnh	21/04/2003	Đồng Nai		
22	VHU.TAB1.09.183	221A320209	Phan Mai Diễm	Quỳnh	13/02/2004	Gia Lai		
23	VHU.TAB1.09.184	211A110065	Lê Nguyễn Cẩm	Quỳnh	18/10/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
24	VHU.TAB1.09.185	221A370287	Lê Nguyễn Như	Quỳnh	03/05/2004	Khánh Hòa		
25	VHU.TAB1.09.186	211A030581	Trần Văn	Rôn	26/04/2002	Thành phố Huế		
26	VHU.TAB1.09.187	221A070022	Ngô Văn	Sinh	30/12/2003	Đồng Nai		
27	VHU.TAB1.09.188		Phạm Quang	Song	20/07/1985	Quảng Ngãi		
28	VHU.TAB1.09.189	221A040069	Đặng Ngọc	Sương	27/09/2004	TP. Hồ Chí Minh		
29	VHU.TAB1.09.190	221A370822	Ngô Thị Tuyết	Sương	10/11/2003	Đồng Tháp		
30	VHU.TAB1.09.191		Nguyễn Thị Đức	Tài	13/05/1978	Gia Lai		
31	VHU.TAB1.09.192	211A070166	Nguyễn Ngọc	Tài	18/03/2003	Đắk Lắk		
32	VHU.TAB1.09.193	201A010208	Bùi Thanh	Tài	17/07/2002	Quảng Ngãi		
33	VHU.TAB1.09.194	211A030848	Nguyễn Thanh	Tây	02/10/2003	An Giang		
34	VHU.TAB1.09.195	251A310124	Trần Minh	Thái	31/12/2007	Đồng Tháp		
35	VHU.TAB1.09.196	221A040009	Nguyễn Thị	Thắm	03/12/2004	Tây Ninh		
36	VHU.TAB1.09.197		Nguyễn Hồng	Thắm	04/11/2003	Lâm Đồng		
37	VHU.TAB1.09.198	161A020049	Trần Minh	Thắng	29/01/1998	Đắk Lắk		
38	VHU.TAB1.09.199	211A030676	Nguyễn Văn	Thắng	03/05/2003	Quảng Ngãi		
39	VHU.TAB1.09.200	221A030674	Nguyễn Ngọc Như	Thành	19/05/2004	Tây Ninh		
40	VHU.TAB1.09.201	221A210247	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	05/07/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		

Tổng số thí sinh theo danh sách:.....
Số thí sinh dự kiểm tra:.....
Số thí sinh vắng kiểm tra:.....

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KIỂM TRA
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thanh Hà

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 12 năm 2025

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 3 (B1 THEO CEFR)
ĐỢT THỨ 09 NĂM 2025
(Địa chỉ: cơ sở 624 Âu Cơ, Phường Bảy Hiền, Thành phố Hồ Chí Minh)

Môn kiểm tra: Tiếng Anh bậc 3 (Tương đương B1 theo CEFR) Ngày kiểm tra: 27/12/2025
Phòng kiểm tra: B1.PT06 CBCKTr1: Ký tên:.....
Giờ kiểm tra: Sáng 08:00 - 10:00 (Nói) CBCKTr2: Ký tên:.....
Chiều 13:30 - 15:30 (Nghe - Đọc - Viết)

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
1	VHU.TAB1.09.202	221A030850	Hoàng Phương	Thảo	06/12/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
2	VHU.TAB1.09.203	211A230108	Nguyễn Thị Yến	Thảo	16/01/2003	Đồng Tháp		
3	VHU.TAB1.09.204	211A210113	Trần Thanh	Thảo	15/07/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
4	VHU.TAB1.09.205	211A010009	Nguyễn Huỳnh Trung	Thật	02/06/2003	Vĩnh Long		
5	VHU.TAB1.09.206	211A031068	Nguyễn Võ Ngọc	Thi	31/05/2003	Lâm Đồng		
6	VHU.TAB1.09.207	221A040521	Võ Thị Thùy	Thơ	28/12/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
7	VHU.TAB1.09.208	221A310024	Huỳnh Thị Minh	Thơ	06/04/2004	Vĩnh Long		
8	VHU.TAB1.09.209	221A030738	Nguyễn Thị Mai	Thoa	13/05/2004	Đồng Tháp		
9	VHU.TAB1.09.210	211A190009	Đào Văn	Thơm	20/08/1996	Gia Lai		
10	VHU.TAB1.09.211	211A030142	Phan Minh	Thống	18/04/2003	Đồng Nai		
11	VHU.TAB1.09.212	221A210424	Bùi Thị Hoài	Thu	29/07/2004	Gia Lai		
12	VHU.TAB1.09.213	221A080354	Nguyễn Thuý Anh	Thư	31/01/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
13	VHU.TAB1.09.214	211A040234	Cao Thị Minh	Thư	20/02/2003	Đồng Nai		
14	VHU.TAB1.09.215	221A320219	Lê Thị Minh	Thư	03/04/2004	Vĩnh Long		
15	VHU.TAB1.09.216	221A320296	Lê Anh	Thư	03/01/2003	An Giang		
16	VHU.TAB1.09.217	221A080223	Trương Thị Minh	Thư	13/04/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
17	VHU.TAB1.09.218	211A320104	Bùi Thị Anh	Thư	10/01/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
18	VHU.TAB1.09.219	211A230083	Lê Thị Huyền	Thục	08/10/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
19	VHU.TAB1.09.220	211A170183	Ngô Thị Hoài	Thương	29/05/2003	Đồng Nai		
20	VHU.TAB1.09.221	221A100070	Phạm Thị Minh	Thương	23/10/2004	Đắk Lắk		
21	VHU.TAB1.09.222	211A290029	Nguyễn Cao	Thượng	12/03/2003	Tây Ninh		
22	VHU.TAB1.09.223	221A030626	Nguyễn Thị Diệp	Thúy	05/06/2004	Gia Lai		
23	VHU.TAB1.09.224	201A030030	Lê Thị Hồng	Thúy	08/10/2001	Thành Phố Hồ Chí Minh		

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
24	VHU.TAB1.09.225	221A270089	Trần Thị Thu	Thuỷ	25/07/2003	Gia Lai		
25	VHU.TAB1.09.226	221A040361	Bùi Như	Thuỷ	18/09/2004	An Giang		
26	VHU.TAB1.09.227	221A050509	Tạ Thị Thanh	Thuỷ	15/08/2004	Đắk Lắk		
27	VHU.TAB1.09.228	211A031267	Lại Thị Mai	Thủy	26/11/2003	Đắk Lắk		
28	VHU.TAB1.09.229	231A030657	Nguyễn Thị	Thủy	13/04/2005	Tỉnh Gia Lai		
29	VHU.TAB1.09.230	221A040366	H	Thuyên	10/08/2004	Lâm Đồng		
30	VHU.TAB1.09.231	211A070039	Phan Thị Cẩm	Tiên	19/10/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
31	VHU.TAB1.09.232	221A370339	Bùi Hạnh	Tiên	22/09/2004	Gia Lai		
32	VHU.TAB1.09.233		Ao Thị Thủy	Tiên	18/04/1996	Quảng Ngãi		
33	VHU.TAB1.09.234	221A050031	Đặng Cẩm	Tiên	10/07/2004	Tây Ninh		
34	VHU.TAB1.09.235	221A031309	Bùi Thị Cẩm	Tiên	10/04/2004	Khánh Hoà		
35	VHU.TAB1.09.236	211A210126	Nguyễn Ngọc Tiên	Tiên	07/09/2003	Đồng Tháp		
36	VHU.TAB1.09.237		Phạm Quang	Toàn	20/07/1985	Quảng Ngãi		
37	VHU.TAB1.09.238	221A010094	Lê Minh	Trái	06/09/2004	Đồng Tháp		
38	VHU.TAB1.09.239	211A040066	Đặng Thị Bích	Trâm	22/06/2003	Tây Ninh		
39	VHU.TAB1.09.240	221A050113	Nguyễn Bửu Quỳnh	Trâm	04/03/2004	Khánh Hoà		
40	VHU.TAB1.09.241	221A040331	Nguyễn Ngọc	Trâm	08/10/2004	Cà Mau		

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KIỂM TRA
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ**

Tổng số thí sinh theo danh sách:.....

Số thí sinh dự kiểm tra:.....

Số thí sinh vắng kiểm tra:.....

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thanh Hà

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 12 năm 2025

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 3 (B1 THEO CEFR)
ĐỢT THỨ 09 NĂM 2025

(Địa chỉ: cơ sở 624 Âu Cơ, Phường Bảy Hiền, Thành phố Hồ Chí Minh)

Môn kiểm tra: Tiếng Anh bậc 3 (Tương đương B1 theo CEFR)

Ngày kiểm tra: 27/12/2025

Phòng kiểm tra: B1.PT07

CBCKTr1:

Ký tên:.....

Giờ kiểm tra: Sáng 08:00 - 10:00 (Nói)

CBCKTr2:

Ký tên:.....

Chiều 13:30 - 15:30 (Nghe - Đọc - Viết)

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
1	VHU.TAB1.09.242	221A040111	Nguyễn Thị Nguyệt	Trâm	26/08/2004	Đồng Tháp		
2	VHU.TAB1.09.243	211A080205	Phạm Thị Hồng	Trân	15/09/2003	Lâm Đồng		
3	VHU.TAB1.09.244	221A040545	Đoàn Đặng Bảo	Trân	03/07/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
4	VHU.TAB1.09.245	211A040056	Nguyễn Kiều	Trân	17/06/2003	Gia Lai		
5	VHU.TAB1.09.246	211A040259	Nguyễn Võ Huyền	Trang	02/01/2003	Khánh Hoà		
6	VHU.TAB1.09.247	221A320003	Lư Hồng	Trang	15/11/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
7	VHU.TAB1.09.248	211A210303	Nguyễn Trần Thuý	Trang	27/06/2003	Tây Ninh		
8	VHU.TAB1.09.249	221A050173	Nguyễn Hoàng	Triều	01/04/2004	Vĩnh Long		
9	VHU.TAB1.09.250	221A040048	Trần Ngọc Thảo	Trình	24/05/2004	An Giang		
10	VHU.TAB1.09.251	221A370108	Trần Thị Mỹ	Trình	10/09/2004	Gia Lai		
11	VHU.TAB1.09.252	221A270013	Phạm Dương Thanh	Trúc	02/11/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
12	VHU.TAB1.09.253	221A300121	Lê Ngô Thanh	Trúc	05/12/2004	Đồng Tháp		
13	VHU.TAB1.09.254	201A320013	Nguyễn Trung	Trưởng	08/01/2001	Lâm Đồng		
14	VHU.TAB1.09.255	211A010279	Trần Anh	Tuấn	15/04/2003	Thành phố Đà Nẵng		
15	VHU.TAB1.09.256	231A030448	Lượng Văn	Tuấn	25/09/2005	Thành phố Hồ Chí Minh		
16	VHU.TAB1.09.257	201A010053	Nguyễn Đức	Tuấn	09/06/2002	Khánh Hòa		
17	VHU.TAB1.09.258	221A310188	Huỳnh Lan	Tường	24/03/2004	Quảng Ngãi		
18	VHU.TAB1.09.259	211A031344	Nguyễn Ngọc Thanh	Tuyền	02/05/2003	Gia Lai		
19	VHU.TAB1.09.260	211A050112	Phạm Thị Ngọc	Tuyền	08/12/2003	Vĩnh Long		
20	VHU.TAB1.09.261	201A100010	Hứa Đình	Tuyền	22/12/2000	Thành phố Hồ Chí Minh		
21	VHU.TAB1.09.262	221A030688	Trần Thị Ánh	Tuyết	18/03/2004	Thành Phố Tây Ninh		
22	VHU.TAB1.09.263	211A300054	Trần Ngọc	Uyên	22/05/2003	Thành Phố Hồ Chí Minh		
23	VHU.TAB1.09.264	201A080162	Nguyễn Thị Trúc	Vân	17/02/2001	Đồng Nai		

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
24	VHU.TAB1.09.265	221A030839	Hoàng Thị Hoài	Vi	10/06/2004	Đồng Nai		
25	VHU.TAB1.09.266	221A010320	Phạm Đức	Vĩ	15/04/2004	Lâm Đồng		
26	VHU.TAB1.09.267	211A040030	Bùi Xuân	Việt	22/06/2003	Đồng Nai		
27	VHU.TAB1.09.268	211A070010	Đặng Đình	Việt	08/07/2003	An Giang		
28	VHU.TAB1.09.269	221A030664	Đinh Phan Thanh	Vinh	09/08/2004	Đồng Tháp		
29	VHU.TAB1.09.270	231A210293	Đoàn Nguyễn Khánh	Vy	29/05/2005	Tây Ninh		
30	VHU.TAB1.09.271	231A320495	Trương Thị Hà	Vy	24/03/2005	Thành phố Hồ Chí Minh		
31	VHU.TAB1.09.272	231A370252	Nguyễn Phan Hoàng	Vy	04/01/2005	Tây Ninh		
32	VHU.TAB1.09.273	221A370453	Nguyễn Tường	Vy	27/08/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
33	VHU.TAB1.09.274	201A050142	Lê Thúy	Vy	30/08/2002	Đồng Tháp		
34	VHU.TAB1.09.275	221A030326	Dương Thị Tường	Vy	09/03/2004	Đồng Tháp		
35	VHU.TAB1.09.276	201A190002	Phan Lê Hoàng	Vy	05/09/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
36	VHU.TAB1.09.277	241A330084	Lê Võ Phương	Vy	02/11/2006	Tây Ninh		
37	VHU.TAB1.09.278	221A010279	Trần Thị Hải	Yến	17/10/2004	Đồng Tháp		
38	VHU.TAB1.09.279	231A040487	Lê Hải	Yến	02/07/2005	Thành phố Hồ Chí Minh		
39	VHU.TAB1.09.280	221A371066	Ngô Kim	Yến	23/04/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
40	VHU.TAB1.09.281	221A050141	Nguyễn Bảo	Yến	09/09/2004	An Giang		

Tổng số thí sinh theo danh sách:.....
Số thí sinh dự kiểm tra:.....
Số thí sinh vắng kiểm tra:.....

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KIỂM TRA
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thanh Hà